TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1007/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2026
V/v tranh chấp: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

1. Bà Dương Triều Xuân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1843/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Mộng K, sinh ngày 12/3/1997; Số Căn cước công dân 094197004605 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2022 *(có mặt)*.

Thường trú: Ấp C, xã B, tỉnh Đồng Tháp

Nơi ở hiện tại: Nhà trọ C13/20QR27, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Trúc P, sinh ngày 09/3/1988; Số Căn cước công dân 082088007789 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2022 *(có mặt)*.

Thường trú: Ấp C, xã B, tỉnh Đồng Tháp

Nơi ở hiện tại: Nhà trọ C13/20QR27, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Châu Thị Mộng K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký ngày 06/11/2017. Bà và ông P chung sống có một con chung tên Nguyễn Hoàng N (nam), sinh ngày 17/02/2018. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P xuất phát từ

việc cả hai có nhiều khác biệt trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung và không có sự thấu hiểu lẫn nhau. Ngoài ra, mỗi khi hai vợ chồng xảy ra tranh cãi, ông P thường hay xúc phạm, đánh đập bà. Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Nguyễn Trúc P.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng N và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông P không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Nguyễn Trúc P các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông P. Ngày 02/4/2026, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Nguyễn Trúc P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Châu Thị Mộng K có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn là bà Châu Thị Mộng K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trúc P không có tiếng nói chung về các mặt trong cuộc sống. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn chịu đựng được cuộc sống hôn nhân này nữa nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P.

Bà vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con nhưng nếu ông P tự nguyện muốn cấp dưỡng thì bà cũng đồng ý nhận để nuôi con.

- Bị đơn là ông Nguyễn Trúc P trình bày:

Ông thừa nhận do áp lực công việc, nhiều khi đi làm về mệt mỏi nên có rủ rê bạn bè ăn nhậu, dẫn tới mất kiểm soát hành vi và có dùng những lời lẽ không hay xúc phạm bà K. Ông cũng chưa dành nhiều thời gian cho gia đình và thiếu sự quan tâm, chia sẻ với vợ về các vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, ông mong muốn bà K cho ông thêm cơ hội để sửa sai và thay đổi bản thân vì ông còn yêu vợ con rất nhiều. Đồng thời, con chung còn nhỏ nên ông vẫn muốn vợ chồng chung sống để nuôi dạy con cái. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà K.

Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng N cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2026.

Ông và bà K không có tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, hôn nhân giữa bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P đã mâu thuẫn trầm trọng. Bà K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và không có sự tôn trọng lẫn nhau. Ông P không đồng ý ly hôn vì còn thương gia đình nhưng không đưa ra bất kỳ biện pháp nào tích cực nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng, cũng như không đưa ra bất kỳ giải pháp, cam kết nào để giúp chia sẻ gánh nặng về kinh tế, chi tiêu trong gia đình và trong việc nuôi dạy con cái. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên xét yêu cầu của bà K xin ly hôn với ông P là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với nhau về việc giao trẻ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 17/02/2018 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K và ông P cùng xác nhận không có nên đề nghị Tòa án không xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí ly hôn, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Châu Thị Mộng K, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số

102/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký ngày 06/11/2017 nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P đều xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về cách sống và nề nếp sinh hoạt. Bà K cho rằng ông P còn ham chơi, thường tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con cũng như không chia sẻ công việc gia đình với bà, mỗi lần hai vợ chồng xảy ra tranh cãi thì ông K thường hay xúc phạm, đánh đập bà. Ông P cũng thừa nhận do áp lực công việc nên đi làm về có rủ rê bạn bè ăn nhậu dẫn tới mất kiểm soát hành vi và có dùng những lời lẽ không hay xúc phạm bà K, bản thân thiếu sự quan tâm, chia sẻ với vợ về các vấn đề trong cuộc sống và công việc gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo sự trình bày của bà K và ông P cho thấy vợ chồng đã có mâu thuẫn kéo dài, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy mục đích hôn nhân của bà K và ông P không đạt được, việc ly hôn là cần thiết để cả hai ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị Mộng K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P có một người con chung tên Nguyễn Hoàng N (nam), sinh ngày 17/02/2018. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, bà K và ông P đã thỏa thuận được bà K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 , giao con chung là trẻ Nguyễn Hoàng N cho bà K có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hôm nay, bà K và ông P thống nhất thỏa thuận ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2026. Xét thấy, việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Châu Thị Mộng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Trúc P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị Mộng K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mộng K được ly hôn với ông Nguyễn Trúc P.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P như sau:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N (nam), sinh ngày 17/02/2018 cho bà Châu Thị Mộng K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trúc P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/7/2026 đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo sau đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Châu Thị Mộng K, nếu ông Nguyễn Trúc P không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Nguyễn Trúc P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về tài sản chung: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3**.** Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Mộng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0055066 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Trúc P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Châu Thị Mộng K và ông Nguyễn Trúc P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng